
BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Khoa học Trái Đất** ;

Chuyên ngành: **Địa lí**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: HOÀNG PHAN HẢI YẾN

2. Ngày tháng năm sinh: 07/6/1981; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng CSVN:

4. Quê quán:

Xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà 57, đường Tạ Quang Bửu, Khối 4, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

6. Địa chỉ liên hệ:

Hoàng Phan Hải Yến, Viện Sư phạm Xã hội, Trường Đại học Vinh

Số 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại di động: 0917 544 789; Email: hoangphanhaiyen@vinhuni.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 9/2003 - 4/2012: Giảng viên, Khoa Địa lí, Trường Đại học Vinh

Từ tháng 5/2012 - 5/2018: Giảng viên, Khoa Địa lí - Quản lí tài nguyên, Trường Đại học Vinh

Từ tháng 6/2018 - nay: Giảng viên, Ngành Địa lí, Viện Sư phạm Xã hội, Trường Đại học Vinh.

Chức vụ hiện nay: Trưởng Bộ môn Địa lí học, Trưởng chuyên ngành đào tạo sau đại học chuyên ngành Địa lí học, Viện Sư phạm Xã hội, Trường Đại học Vinh.

Cơ quan công tác hiện nay (khoa, phòng, ban; trường, viện; thuộc Bộ):

Viện Sư phạm Xã hội, Trường Đại học Vinh, thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Địa chỉ cơ quan: Nhà A0, số 182 đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Điện thoại cơ quan: 0238 3855452-202

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 8 năm 2003, ngành: Sư phạm Địa lí

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư phạm Huế.

- Được cấp bằng ThS ngày 09 tháng 02 năm 2007, ngành: Địa lí, chuyên ngành: Địa lí học

Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;

- Được cấp bằng TS ngày 17 tháng 12 năm 2014, ngành: Địa lí, chuyên ngành: Địa lí học

Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

10. Đã được công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐCDGS cơ sở:

Trường Đại học Vinh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐCDGS ngành, liên ngành:

Khoa học Trái Đất - Mỏ

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu về phát triển kinh tế biển, dải ven biển

- Nghiên cứu về giảm nghèo và mô hình sinh kế giảm nghèo bền vững

- Nghiên cứu địa lí tổng hợp theo lãnh thổ phục vụ quy hoạch tổng thể và phát triển bền vững

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Đã hướng dẫn 08 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp: Tỉnh (Nghệ An).

Đã hoàn thành 07 đề tài NCKH cấp Trường

Đã công bố 22 bài báo KH trong nước, 12 bài báo Hội thảo trong nước, 02 bài báo Hội thảo quốc tế, 08 bài báo KH quốc tế (02 bài SCIE, 01 bài SSCI, 01 bài ESCI, 03 bài Scopus, 01 bài có chỉ số DOI)

Số sách đã xuất bản: 02 (01 sách và 01 giáo trình), trong đó có 2 NXB có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” liên tục từ năm 2017 đến nay.

- Bằng khen của UBND tỉnh Nghệ An năm 2018 vì có nhiều đóng góp trong giảng dạy và đào tạo.

- Bằng khen của Bộ giáo dục và Đào tạo năm 2019 vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục.

- Bằng khen của UBND tỉnh Nghệ An năm 2020 vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học và công nghệ, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Giấy khen của Đảng ủy trường Đại học Vinh năm 2018 vì đạt danh hiệu đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu.

- Giấy khen của Đảng ủy trường Đại học Vinh năm 2020 vì đạt danh hiệu đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu.

- Giấy khen của Đảng ủy trường Đại học Vinh năm 2021 vì đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ:

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

- Có phẩm chất tư tưởng, chính trị vững vàng, đạo đức tốt, luôn luôn gương mẫu thực hiện các quy định của pháp luật.

- Tận tụy với sự nghiệp giáo dục - đào tạo, với đất nước, quê hương, không ngại khó khăn đi sâu nghiên cứu các vấn đề cấp thiết của ngành chuyên môn.

- Được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ.

- Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có tinh thần học hỏi, cầu thị, tiếp thu các thành tựu của khoa học địa lí tiên tiến trên thế giới.

- Luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao; có ý thức sáng tạo, chủ động đồng thời có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số: **18** năm thâm niên đào tạo (theo năm học của Nhà trường)

Khai cụ thể ít nhất 6 thâm niên, trong đó có 3 thâm niên cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	HD khóa luận tốt nghiệp ĐH	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015 - 2016	0	0	0	6	615	45	660/894,3/280
2	2016 - 2017	0	0	3	7	435	150	585/799,25/280
3	2017 - 2018	0	0	2	4	405	115	520/648/270

3 năm học cuối:								
4	2018 - 2019	0	0	2	0	405	160	565/697,5/270
5	2019 - 2020	0	0	1	0	180	260	440/528,77/270
6	2020 - 2021	0	0	3	0	262	135	397/436,14/270

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

Bằng cử nhân Tiếng Anh của Trường Đại học Vinh (hệ Vừa làm vừa học);

Số bằng: 45/51E1-DHV; năm cấp: 2012

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ): Tốt

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn từ... đến....	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Trần Văn Cát		X	X		2016-2017	Trường Đại học Vinh	2017
2	Nguyễn Mạnh Hùng		X	X		2016-2017	Trường Đại học Vinh	2017
3	Nguyễn Thị Thúy		X	X		2016 -2017	Trường Đại học Vinh	2017
4	Trần Thế Anh		X	X		2017-2018	Trường Đại học Vinh	2018
5	Nguyễn Thái Hùng		X	X		2017-2018	Trường Đại học Vinh	2018

6	Nguyễn Thị Sông Hương		X	X		2018-2019	Trường Đại học Vinh	2019
7	Nguyễn Thị Hoài Thanh		X	X		2018-2019	Trường Đại học Vinh	2019
8	Trần Thị Tuyết Thành		X	X		2019-2020	Trường Đại học Vinh	2020

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học (Sau khi bảo vệ Luận án TS):

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

5.1. Trước khi được công nhận TS: Không

5.2. Sau khi được công nhận TS:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Phát triển kinh tế dải ven biển Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh	CK	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2015.	01	X	1-271	Văn bản xác nhận sử dụng sách số 487/ĐHV-TV
2	Giáo trình Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	GT	Nhà xuất bản Đại học Vinh, năm 2018.	04		130-152	Văn bản xác nhận sử dụng sách số 488/ĐHV-TV

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN, PCN, TK	Mã số, cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (văn bản, số, ngày tháng, năm), xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận TS					
1	Phát triển kinh tế dải ven biển Thanh - Nghệ - Tĩnh	CN	Mã số T2007-15-07; Trường Đại học Vinh	Từ 3 đến tháng 12 năm 2007	Biên bản họp đánh giá ngày 12/12/2007. Xếp loại đạt yêu cầu.
2	Phát triển tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn dải ven biển tỉnh Nghệ An	CN	Mã số T2008-12-10; Trường Đại học Vinh	Từ tháng 3 đến tháng 12 năm 2008	Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 20/12/2008. Xếp loại: Tốt
3	Nghiên cứu hiện trạng và đề xuất một số giải pháp phát triển các khu công nghiệp ở dải ven biển tỉnh Nghệ An	CN	Mã số T2009-12-10; Trường Đại học Vinh	Từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2009	Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 11/12/2009. Xếp loại: Tốt
4	Thực trạng và giải pháp thu hút đầu tư vào dải ven biển tỉnh Nghệ An	CN	Mã số T2013-15-06; Trường Đại học Vinh	Từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2013	Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 11/12/2013. Xếp loại: Đạt
II Sau khi được công nhận TS					
5	Nghiên cứu đề xuất giải pháp và xây dựng mô hình kinh tế góp phần giảm nghèo theo hướng bền vững cho các xã bãi ngang ven biển và miền núi tỉnh Nghệ An	CN	Mã số T2015-08-01; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An	Từ tháng 1 năm 2015 đến tháng 4 năm 2016	Biên bản thanh lý hợp đồng số 920/TL-SKHCN ngày 14/12/2016. Xếp loại: Khá

6	Nghiên cứu xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý tiếp cận CDIO.	TG	Mã số T35-2016TĐ; Trường Đại học Vinh	Từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2016	Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 10/12/2016. Xếp loại: Đạt
7	Nghiên cứu đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Địa lí học đại cương tiếp cận CDIO	CN	Mã số T2017-08TĐ; Trường Đại học Vinh	Từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2017	Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 29/3/2018. Xếp loại: Đạt
8	Nghiên cứu xây dựng chuỗi giá trị thích hợp cho sản phẩm chè Nghệ An nhằm tăng giá trị cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.	TG	Mã số T2015-08-05; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An	Từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 2 năm 2017	Biên bản thanh lý hợp đồng số 941/TL-SKHCCN ngày 03/10/2017. Xếp loại: Khá
9	Nghiên cứu đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá khối kiến thức Địa lý Kinh tế - xã hội theo tiếp cận CDIO	CN	Mã số T2019-57TĐ Trường Đại học Vinh.	Từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 7 năm 2020	Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/7/2020. Xếp loại: Đạt

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus	Số lần trích dẫn (không tính tự)	Tạp, số, trang	Năm công bố

					s (IF, Qi)	trích dẫn)		
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Kinh tế ngư nghiệp ở dải ven biển Thanh - Nghệ - Tĩnh thời kỳ 2000 - 2005	01	X	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh; ISSN 1859- 2228.			Tập 36; Số 4B; Trang 71- 78	2007
2	Một số giải pháp phát triển kinh tế dải ven biển Thanh - Nghệ - Tĩnh đến năm 2015	01	X	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh; ISSN 1859- 2228.			Tập 37; Số 4B; Trang 93- 101	2008
3	Thực trạng phát triển các khu công nghiệp tỉnh Nghệ An và một số vấn đề đặt ra	01	X	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh; ISSN 1859- 2228.			Tập 38; Số 4B; Trang 99- 106	2009
4	Thực trạng phát triển kinh tế thủy sản huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa và giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất	02	X	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh; ISSN 1859- 2228.			Tập 40; Số 1A; Trang 66-73	2011
5	Khai thác hải sản vùng biển tỉnh Nghệ An và một số vấn đề đặt ra	01	X	Kì yếu Hội thảo “ <i>Nghiên cứu khoa học và đào tạo giáo viên Địa lý</i> ”, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. NXB Đại học Sư phạm. Tháng 11/2011			Trang 393-399	2011
6	Xây dựng và phát triển các đặc khu	01	X	Tạp chí Khu công nghiệp			Số 142;	2012

	kinh tế của Trung Quốc - Bài học kinh nghiệm cho phát triển khu kinh tế Đông Nam tỉnh Nghệ An			Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Trang 32-35	
7	Sức hút đầu tư ở dải ven biển Thanh - Nghệ - Tĩnh	01	X	Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; ISSN 0868-3719.			Tập 57; Số 2; Trang 153-160	2012
8	Du lịch dải ven biển Thanh - Nghệ - Tĩnh và một số vấn đề đặt ra	01	X	Kỉ yếu Hội nghị Địa lí toàn quốc lần thứ VI. NXB Khoa học và Công nghệ. Tháng 9/2012			Trang 769-774	2012
9	Đánh giá tổng hợp các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến phát triển kinh tế dải ven biển Thanh - Nghệ - Tĩnh giai đoạn 2000 - 2012	01	X	Tạp chí Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN 0866-8612.			Tập 29; Số 2S; Trang 252-260	2013
10	Thực trạng và một số vấn đề đặt ra trong phát triển ba khu kinh tế ở dải ven biển Thanh - Nghệ - Tĩnh	01	X	Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; ISSN 0868-3719.			Tập 58; Số 10; Trang 116-123	2013
II	Sau khi được công nhận TS							
11	Một số vấn đề về công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Nghệ An	02	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nghệ An; ISSN 1859-1949			Số 9; Trang 35-40	2015

12	Thực trạng và giải pháp giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi tỉnh Nghệ An	03		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nghệ An; ISSN 1859-1949		Số 10; Trang 20-26	2016
13	Thực trạng nuôi trồng thủy sản tỉnh Nghệ An và giải pháp nâng cao hiệu quả nuôi trồng	01	X	Kì yếu Hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ IX. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ. Tháng 12/2016. ISBN: 978-604-913-513-2		Quyển 3; Trang 641-648	2016
14	Một số giải pháp và mô hình kinh tế giảm nghèo cho các xã miền núi tỉnh Nghệ An	03		Kì yếu Hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ IX. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ. Tháng 12/2016. ISBN: 978-604-913-513-2		Quyển 3; Trang 109 -118	2016
15	Thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Nghệ An	01	X	Kì yếu Hội Thảo Khoa học quốc tế “Phát triển kinh tế Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế”. Tháng 4/2017. ISBN: 978-604-55-2338-4		Tập 2; Trang 817-826	2017
16	Thực trạng khai thác hải sản vùng bờ tỉnh Nghệ An và giải pháp nâng	01	X	Tạp chí Khoa học, Đại học Huế; ISSN 1859-1338.		Tập 126; Số 7A; Trang 35-43	2017

	cao hiệu quả khai thác							
17	A multidimensional Approach to poverty research (practical in the mountainous areas of Nghe An, Viet Nam	04		The 7 th International Conference on Sciences and Social Sciences 2017 “Innovative Research for Stability, Prosperity and Sustainability”			Trang 692-702	2017
18	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành trong nông nghiệp ở Nghệ An giai đoạn 2000 - 2015	01	X	Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; ISSN 2354-1067. Số 11/2017			Tập 62; Số 11; Trang 200-208	2017
19	Thực trạng và giải pháp phát triển nguồn nhân lực Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An	01	X	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Trái đất - Môi trường bền vững của Hội đồng chức danh GS liên ngành Khoa học Trái đất - Môi trường. ISBN: 978-604-913-687-0			Trang 64-54	2018
20	Resources and livelihood status of coastal fishing workers in Nghe An province, Viet Nam	01	X	The 5 th international conference language, society, and culture in Asian contexts (LSACA 2018); ISBN 978- 602- 462-			Trang 1646-1660	2018

				248-0. Ngày 25-26/5/2018				
21	Development of farm economy in Nghe An Province	04		Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; ISSN 2354-1067.			Tập 63; số 7 EN; Trang 114-125	2018
22	Nguồn lực và thực trạng sinh kế của lao động nữ vùng ven biển tỉnh Nghệ An	03	X	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh; ISSN 1859-2228.			Tập 47; Số 2B; Trang 61-68	2018
23	Thực trạng và giải pháp phát triển các loại hình nghề nghiệp cho cộng đồng ngư dân khai thác ven bờ ở vùng biển tỉnh Nghệ An	01	X	Kỉ yếu Hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ X. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ. Tháng 4/2018. ISBN: 978-604-913-693-2			Quyển 2; Trang 1172-1178	2018
24	Các giải pháp và mô hình kinh tế giảm nghèo cho các xã bãi ngang ven biển tỉnh Nghệ An	01	X	Kỉ yếu Hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ X. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ. Tháng 4/2018. ISBN: 978-604-913-693-1			Quyển 1; Trang 1022-1028	2018
25	Mô hình liên kết bền vững trong chuỗi giá trị chè tỉnh Nghệ An	03		Kỉ yếu Hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ X. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.			Quyển 1; Trang 873-882	2018

				Tháng 4/2018. ISBN: 978-604-913-693-1				
26	Thực trạng phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống chế biến nước mắm ở vùng ven biển tỉnh Nghệ An	01	X	Kỉ yếu Hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ XI. NXB Thanh niên. Tháng 4/2019. ISBN: 978-604-9822-66-7			Tập 1 Trang 714-722	2019
27	Các giải pháp phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống chế biến nước mắm vùng ven biển tỉnh Nghệ An	01	X	Kỉ yếu Hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ XI. NXB Thanh niên. Tháng 4/2019. ISBN: 978-604-9822-66-7			Tập 1 Trang 666-671	2019
28	Development of an Artificial Intelligence Approach for Prediction of Consolidation Coefficient of Soft Soil: Asensitivity Analysis.	12		The Open Construction and Building Technology Journal/ISSN: 1874-8368	Scopus , Q3		Volume 13; Paper 178-188. DOI: 10. 2174/187 48368019 13010178	2019
29	Các giải pháp và mô hình kinh tế giảm nghèo bền vững ở các xã miền núi và bãi ngang ven biển tỉnh Nghệ An	03	X	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh; ISSN 1859-2228.			Tập 48; Số 1B; Trang 71- 80	2019
30	Current development situation of marine economic	01	X	Tạp chí Khí tượng thủy văn; ISSN 2525-2208			Số 2; Trang 146-154	2019

	in Quang Binh Province							
31	Developing community - based tourism in Con Cuong district, Nghe An Province	01	X	Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; ISSN 2354-1067.			Tập 63; Số 11 EN; Trang 135-144	2019
32	Develop Sustainable Livelihoods for Fishermen in the North Central Region of Vietnam - Case Study for Nghe An Province	06	X	Journal of Agricultural Studies/ ISSN 2166-0379			Vol 8; No.1; Paper 227-246. https://doi.org/10.5296/jas.v8i1.15413	2020
33	A Comparative Study of Kernel Logistic Regression, Radial Basis Function Classifier, Multinomial Naive Bayes, and Logistic Model Tree for Flash Flood Susceptibility Mapping	12		Water/ ISSN 2073-4441	SCIE, Q1	3	Vol 12; No.239; Paper 1-21. https://doi.org/10.390/w12010239	2020
34	Chuyển dịch cơ cấu nông, lâm, thủy sản theo ngành ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2010 - 2017	02		Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; ISSN 2354-1067.			Tập 65; Số 5; Trang 117-128	2020
35	Thực trạng nuôi trồng thủy sản mặn lợ tỉnh Quảng Bình và giải pháp nâng cao hiệu quả nuôi trồng.	03		Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh; ISSN 1859-2228.			Tập 48; Số 4; Trang 47-55	2020
36	Ecosystem Services in Mountainous	08	X	Indian Journal of Ecology/	Scopus , Q3		Volume 47;	2020

	Area: A Case Study of Nghe an, Vietnam			ISSN 0304-5250; 46(3): 000-000.			Paper 109-116. https://www.researchgate.net/profile/Binh_Pham10/publication/339842749	
37	Xây dựng nông thôn mới tại các thôn, bản gắn với phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi tỉnh Nghệ An	01	X	Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; ISSN 2354-1067.			Số 65; Tập 5; Trang 74-83	2020
38	Nghiên cứu cải thiện sinh kế trong khai thác hải sản đối với ngư dân vùng ven biển huyện Quỳnh lưu, tỉnh Nghệ An	02	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Trái đất, Mỏ, Môi trường bền vững lần thứ III. NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ. ISBN: 978-604-9985-67-6			Trang 293-303	2020
39	Late Pleistocene-Holocene sedimentary evolution in the coastal zone of the Red River Delta	16	X	Heliyon/ ISSN 2405-8440	ESCI, Q1		Volume 7; Issue 1; Paper: 1-13. DOI: 10.1016/j.heliyon.2020.e05872	2021

40	Locally weighted learning based hybrid intelligence models for groundwater potential mapping and modeling: A case study at Gia Lai province, Vietnam	10	X	Geoscience Frontiers/ ISSN 1674-9871	SCIE, Q1		Volume 12; Issue 5; Paper: 1-15. https://doi.org/10.1016/j.gsf.2021.101154	2021
41	Assessing climate risk to cassava (Manihot esculenta) yield based on rainfed	2	X	Research On Crops/ ISSN 0972-3226	Scopus , Q3		Vol. 22, No. 1 (March); paper: 202 -207. DOI: 10.31830/234-7542.2021.058 http://www.indianjournals.com/ijor.aspx?target=ijor:rcr&volume=22&issue=1&article=030	2021
42	Seasonal Variation and Its Impacts in rice-growing regions of the Mekong Delta	2	X	International Journal of Climate Strategies and Management/	SSCI, Q1		Vol 13, Issue 4. PP: 1-9. DOI https://doi	2021

				ISSN 1756-8692.		i.org/10.1108/IJCCSM-05-2020-0048	
43	Thực trạng nghèo đa chiều ở khu vực miền núi tỉnh Nghệ An	2		Kỉ yếu Hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ XII. NXB Thanh niên. Tháng 4/2021. ISBN: 978-604-334-789-0		Quyển 2, Trang 450 - 459	2021
44	Đồng bằng sông Hồng: Yêu cầu cấp bách về phát triển bền vững	2		Kỉ yếu Hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ XII. NXB Thanh niên. Tháng 4/2021. ISBN: 978-604-334-789-0		Quyển 2, Trang 670-678	2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 5 bài (01 bài SCIE, 01 bài SSCI, 01 bài ESCI, 02 bài Scopus) ; số thứ tự: 36, 39, 40, 41, 42.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...):
Không

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo,	Vai trò UV (Chủ	Văn bản giao nhiệm	Cơ quan thẩm định,	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
----	-----------------------	-----------------	--------------------	--------------------	---------------------------------	---------

	chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	trì/ Tham gia)	vụ (số, ngày, tháng, năm)	đưa vào sử dụng		
1	Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Đại học ngành Quản lý đất đai	Tham gia	Từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2007	Trường Đại học Vinh	QĐ số 2041/ĐT, ngày 11 tháng 09 năm 2009 của Trường Đại học Vinh.	
2	Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Đại học ngành Sư phạm địa lí theo tiếp cận CDIO	Tham gia	HĐ số 35/2016/HĐ-KHCNTĐ ngày 16/6/2016	Trường Đại học Vinh	QĐ số 747/QĐ-ĐHV, ngày 27 tháng 04 năm 2017 về Ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ	
3	Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Đại học ngành Quản lý tài nguyên và môi trường theo tiếp cận CDIO	Tham gia	HĐ số 17/2016/HĐ-KHCNTĐ ngày 16/6/2016	Trường Đại học Vinh	QĐ số 747/QĐ-ĐHV, ngày 27 tháng 04 năm 2017 về Ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ	
4	Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo sau đại học chuyên ngành Địa lí học	Tham gia	Từ tháng 01/2014 đến tháng 12/2014	Trường Đại học Vinh	QĐ số 2009/QĐ-ĐHV, ngày 21 tháng 9 năm 2017, về việc ban hành Khung chương trình đào tạo các chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sỹ của cơ sở đào tạo sau đại học Trường Đại học Vinh.	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nghệ An, ngày 30 tháng 7 năm 2021

Người đăng ký

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized, cursive letters that appear to be 'H' and 'Y' followed by a long horizontal stroke.

TS. Hoàng Phan Hải Yến